

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2017/DS-ST
Ngày 22- 8 - 2017.
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ – TỈNH BẾN TRE.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phê

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chót

Ông Dương Văn Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ngày 22 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2017/TLST –DS ngày 30 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2091/2017/QĐXX – ST ngày 28 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1963. Địa chỉ cư trú: 5/2 ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:*

2.1. Bà Phan Thị L, sinh năm 1971

2.2. Ông Trần Văn N, sinh năm 1968

Cùng địa chỉ cư trú: 107/1 ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Hồ Văn C, sinh năm 1963. Địa chỉ cư trú: 5/2 ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Đại diện hợp pháp của ông Hồ Văn C: Bà Nguyễn Thị V là đại diện theo ủy quyền.

(Bà V, bà L có mặt lúc xét xử và lúc tuyên án; ông N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án bà Nguyễn Thị V đồng thời được sự ủy quyền của ông Hồ Văn C trình bày:

Từ năm 2014 đến năm 2016 bà có làm chủ hụi; bà Phan Thị L có nhiều lần tham gia chơi hụi với bà. Do thời gian chơi hụi đã lâu và các dây hụi đã mãng nên bà không nhớ ngày tháng cụ thể của từng dây hụi. Sau khi hết hết các

dây hụi thì bà L không có đóng lại hụi chết đúng như thỏa thuận. Đến ngày 22/3/2017 bà và bà L có tổng kết nợ thì bà L còn nợ bà số tiền 26.500.000 đồng. Bà L có hứa sẽ trả cho bà mỗi tháng 1.000.000 đồng, trả vào ngày 30 hàng tháng, thời hạn trả bắt đầu từ ngày 30/4/2017 cho đến khi hết nợ nhưng khi đến hạn trả nợ thì bà L không thực hiện như cam kết.

Việc chơi hụi được thực hiện giữa bà và bà L nhưng ông Trần Văn N là chồng bà L đều biết. Do bà L chơi hụi về lo làm ăn phát triển kinh tế trong gia đình, bà L hoàn toàn không có sử dụng riêng nên đây là nợ chung của bà L và ông N. Ngoài ra, tiền bà L, ông N nợ bà là tiền chung của bà và chồng bà là ông Hồ Văn Cát.

Nay bà yêu cầu bà L và ông N cùng liên đới trả cho bà một lần số tiền 26.500.000 đồng, bà không đồng ý cho bà V, ông N, trả dần mỗi tháng 500.000 đồng.

Theo bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn Phan Thị L trình bày:

Bà thừa nhận năm 2014 đến năm 2016 bà có tham gia nhiều dây hụi của bà V, hụi do bà V làm chủ. Do thời gian chơi hụi đã lâu và các dây hụi đã mãng nên bà không nhớ ngày tháng cụ thể của từ dây hụi. Sau khi hốt hụi bà không có đóng hụi đúng như thỏa thuận cho bà V. Đến ngày 22/3/2017 bà và bà V có tổng kết nợ bà còn nợ bà V số tiền 26.500.000 đồng, bà có hứa sẽ trả cho bà V như nêu trên nhưng do kinh tế gia đình quá khó khăn nên bà không thực hiện được.

Nay bà Nguyễn Thị V khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền 26.500.000 đồng thì bà đồng ý nhưng bà xin được trả nợ dần cho bà V mỗi tháng 500.000 đồng trả cho đến khi hết nợ.

Bà chơi hụi với bà V chồng bà là anh Trần Văn N không biết nhưng tiền bà chơi hụi với bà V về làm ăn phát triển kinh tế trong gia đình, bà hoàn toàn không có sử dụng riêng. Do đó bà V khởi kiện ông Trần Văn N cùng liên đới trách nhiệm với bà để trả nợ cho bà V thì bà không đồng ý vì chồng bà không biết việc chơi hụi giữa bà và bà V.

Tại phiên tòa ông Trần Văn N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn Phan Thị L và Trần Văn N hiện có sinh sống và đăng ký hộ khẩu 107/1 ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre, tỉnh Bến Tre do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Bị đơn Trần Văn N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[4] Về nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà L, bà V thống nhất bà L còn nợ bà V số tiền 26.500.000 đồng. Tại phiên tòa bà L thừa nhận bà có trách nhiệm trả cho bà V, ông Cát số tiền 26.500.000 đồng nhưng xin được kéo dài thời gian trả nợ; riêng bà V yêu cầu bà L phải trả một lần tiền 26.500.000 đồng. Xét thấy: Mặc dù việc góp hụi giữa nguyên đơn và bị đơn là do hai bên thỏa thuận không có lập văn bản nhưng được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc và tuân theo quy định tại Điều 121, Điều 122 của Bộ luật dân sự 2005 nên được xem là hợp pháp. Do vậy, việc này làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết. Tuy nhiên quá trình thực hiện bà L đã vi phạm những điều mà hai bên đã thỏa thuận làm phát sinh tranh chấp. Lẽ đó bà V yêu cầu bà L giao trả cho bà và ông Cát số tiền 26.500.000 đồng là phù hợp với Điều 479 của Bộ luật dân sự 2005 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu của bà V về việc yêu cầu bà L và ông N phải có nghĩa vụ liên đới giao trả cho bà và ông Cát số tiền 26.500.000 đồng. Xét thấy: Mặc dù ông N không biết việc chơi hụi giữa bà với bà V nhưng mục đích chơi hụi về lo phát triển kinh tế gia đình và sử dụng chung trong gia đình. Do đó căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân gia đình 2014 cần buộc ông Trần Văn N có trách nhiệm liên đới với bà L để trả cho bà V và ông Cát số tiền 26.500.000 đồng là phù hợp.

[6] Xét yêu cầu trả nợ dần của bà L thì bà L, ông N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà V trong một thời gian dài làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà V, ông Cát. Mặc khác bà L, ông N không chứng minh được kinh tế gia đình ông bà đang khó khăn và tại phiên tòa bà V cũng không đồng ý với yêu cầu trả nợ dần của bà L. Do đó yêu cầu này của bà L không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Bà L, ông N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật, được tính là $5\% \times 26.500.000 \text{ đồng} = 1.325.000 \text{ đồng}$ (một triệu, ba trăm, hai mươi lăm nghìn đồng).

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 479 Bộ luật dân sự 2005; Nghị định 144/2006/NĐ – CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính Phủ qui định về họ, hụi, biếu, phò; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V. Buộc bà Phan Thị L và ông Trần Văn N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị V và ông Hồ Văn Cát số tiền 26.500.000 đồng (hai mươi sáu triệu, năm trăm nghìn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án (đôi với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn N và bà Phan Thị L phải liên đới nộp là 1.325.000 đồng (một triệu, ba trăm, hai mươi lăm nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị V được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền 662.500 đồng (sáu trăm, sáu mươi hai nghìn, năm trăm đồng) theo biên lai thu số 0010596 ngày 30/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Phê